TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **209**/2024/DS - ST
Ngày: 29/7/2024
V/v: " *Tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ* "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồmcó:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hà Bửu Khánh** và ông **Huỳnh Hoàng Nam**

Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Phượng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 190/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2024, về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2024/QĐXX- ST, ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị Tố L**, sinh năm 1956

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

(Bà L có mặt tại phiên tòa)

** Bị đơn:* Bà **Dương Huỳnh Hồng L1**, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

(Bà L1 vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2024 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Tố L trình bày:* Từ năm 2021 đến 2023 bà có tham gia chơi hụi do bà Dương Huỳnh Hồng L1 làm chủ, bà tham gia hụi cụ thể như sau:

- Dây hụi số 1 dây hụi nhỏ đánh dấu A, B cụ thể:

+ Dây A áp ngày 15/4/2021 dương lịch, hụi 1.000.000đ, mỗi tháng sổ 01 lần, hình thức chơi hụi ai kêu hụi cao thì người đó hốt, có 30 hụi viên, bà tham gia 01

chân, bà đóng được 27 lần thì bà L1 ngưng hụi, tổng số tiền hụi bà đã đóng là 18.410.000đ tiền hụi gốc.

+ Dây B áp ngày 15/4/2021 dương lịch, hụi 1.000.000đ, mỗi tháng sổ 01 lần, hình thức chơi hụi ai kêu hụi cao thì người đó hốt, có 30 hụi viên, bà tham gia 01 chân, bà đóng được 27 lần thì bà L1 ngưng hụi, tổng số tiền hụi bà đã đóng là 18.970.000đ tiền hụi gốc

- Dây hụi số 2 dây hụi nhỏ đánh dấu G, H cụ thể:

+ Dây G áp ngày 20/11/2021 dương lịch, hụi 1.000.000đ, mỗi tháng sổ 01 lần, hình thức chơi hụi ai kêu hụi cao thì người đó hốt, có 30 hụi viên, bà tham gia 01 chân, bà đóng được 21 lần thì bà L1 ngưng hụi, tổng số tiền hụi bà đã đóng là 14.380.000 tiền hụi gốc.

+ Dây H áp ngày 20/11/2021 dương lịch, hụi 1.000.000đ, mỗi tháng sổ 01 lần, hình thức chơi hụi ai kêu hụi cao thì người đó hốt, có 30 hụi viên, bà tham gia 01 chân, bà đóng được 21 lần thì bà L1 ngưng hụi, tổng số tiền hụi bà đã đóng là 14.600.000 tiền hụi gốc.

- Dây hụi số 3 dây hụi nhỏ đánh dấu A, B cụ thể:

+ Dây A áp ngày 25/01/2022 dương lịch, hụi 1.000.000đ, mỗi tháng sổ 01 lần, hình thức chơi hụi ai kêu hụi cao thì người đó hốt, có 28 hụi viên, bà tham gia 01 chân và bà đóng được 19 lần thì bà L1 ngưng hụi, tổng số tiền hụi bà đã đóng là 13.430.000 tiền hụi gốc.

+ Dây B áp ngày 25/01/2022 dương lịch, hụi 1.000.000đ, mỗi tháng sổ 01 lần, hình thức chơi hụi ai kêu hụi cao thì người đó hốt, có 28 hụi viên, bà tham gia 01 chân và bà đóng được 19 lần thì bà L1 ngưng hụi, tổng số tiền hụi bà đã đóng là 13.540.000 tiền hụi.

- Dây hụi số 4 gồm 3 dây hụi nhỏ đánh dấu C, E, F cụ thể:

+ Dây C áp ngày 20/5/2022 dương lịch, hụi 1.000.000đ, mỗi tháng sổ 01 lần, hình thức chơi hụi ai kêu hụi cao thì người đó hốt, có 30 hụi viên, bà tham gia 01 chân và đóng được 15 lần với số tiền 10.300.000đ.

+ Dây E áp ngày 20/5/2022 dương lịch, hụi 1.000.000đ, mỗi tháng sổ 01 lần, hình thức chơi hụi ai kêu hụi cao thì người đó hốt, có 30 hụi viên, bà tham gia 01 chân và đóng được 15 lần với số tiền 10.470.000đ

+ Dây F áp ngày 20/5/2022 dương lịch, hụi 1.000.000đ, mỗi tháng sổ 01 lần, hình thức chơi hụi ai kêu hụi cao thì người đó hốt, có 30 hụi viên, bà tham gia 01 chân và đóng được 15 lần với số tiền 10.710.000đ.

- Dây hụi số 5 gồm 3 dây hụi nhỏ đánh dấu A, B, C cụ thể:

+ Dây A áp ngày 25/12/2022 dương lịch, hụi 1.000.000đ, mỗi tháng sổ 01 lần, hình thức chơi hụi ai kêu hụi cao thì người đó hốt, có 32 hụi viên, bà tham gia 01 chân và đóng được 08 lần với số tiền 5.510.000đ;

+ Dây B áp ngày 25/12/2022 dương lịch, hụi 1.000.000đ, mỗi tháng sổ 01 lần, hình thức chơi hụi ai kêu hụi cao thì người đó hốt, có 32 hụi viên, bà tham gia 01 chân và đóng được 08 lần với số tiền 5.550.000đ;

+ Dây C áp ngày 25/12/2022 dương lịch, hụi 1.000.000đ, mỗi tháng sổ 01 lần, hình thức chơi hụi ai kêu hụi cao thì người đó hốt, có 32 hụi viên, bà tham gia 01 chân và đóng được 08 lần với số tiền 5.720.000đ;

- Dây hụi số 6 gồm 3 dây hụi nhỏ đánh dấu A, B, C cụ thể:

+ Dây A áp ngày 05/6/2023 dương lịch, hụi 1.000.000đ, mỗi tháng sổ 01 lần, hình thức chơi hụi ai kêu hụi cao thì người đó hốt, có 28 hụi viên, bà tham gia 01 chân và đóng được 02 lần với số tiền 1.470.000đ;

+ Dây B áp ngày 05/6/2023 dương lịch, hụi 1.000.000đ, mỗi tháng sổ 01 lần, hình thức chơi hụi ai kêu hụi cao thì người đó hốt, có 28 hụi viên, bà tham gia 01 chân và đóng được 02 lần với số tiền 1.480.000đ;

+ Dây C áp ngày 05/6/2023 dương lịch, hụi 1.000.000đ, mỗi tháng sổ 01 lần, hình thức chơi hụi ai kêu hụi cao thì người đó hốt, có 28 hụi viên, bà tham gia 01 chân và đóng được 02 lần với số tiền 1.490.000đ;

Tổng cộng 06 dây hụi bà tham gia 15 chân hụi và còn sống hết 15 chân và tổng số tiền gốc bà đã đóng cho 15 chân là 146.040.000đ.

Sau khi ngưng hụi bà có chốt hụi lại với bà L1 và bà L1 có thừa nhận nợ hụi của bà nhưng bà L1 nói không có khả năng nên chưa thanh toán.

Bà L1 xác nhận đối với số tiền này bà chỉ yêu cầu bà L1 thanh toán cho bà còn chồng bà L1 là ông Trần Hoàng S thì không có liên quan vì ông S không có tham gia chơi hụi nên số tiền nợ của bà chỉ yêu cầu bà L1 tự chịu trách nhiệm thanh toán, cam kết không khiếu nại về sau.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị Tố L yêu cầu Toà án xem xét giải quyết buộc bà Dương Huỳnh Hồng L1 thanh toán cho bà số tiền hụi còn nợ lại với tổng số tiền là 146.040.000đ (Một trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng) hụi gốc, không yêu cầu tính lãi.

** Tại bản tự khai bị đơn bà Dương Huỳnh Hồng L1 trình bày:* Bà thừa nhận hiện nay bà còn nợ bà L số tiền hụi là 146.040.000đ (Một trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng) nhưng hiện nay bản thân bà đang thất nghiệp chưa có khả năng chi trả và hiện tại bà còn tài sản là căn nhà nên bà đồng ý giao cho cơ quan thi hành án giải quyết chi trả. Bản thân bà sẽ cố gắng trả dần khi có việc làm.

Tại phiên tòa, bà Dương Huỳnh Hồng L1 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Bà Trần Thị Tố L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Huỳnh Hồng L1 trả cho bà L số tiền nợ hụi gốc là 146.040.000đ (Một trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng). Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời bị đơn bà L1 có nơi cư trú tại ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang và Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

- Xét về quan hệ tranh chấp: Việc tranh chấp giữa bà Trần Thị Tố L với bà Dương Huỳnh Hồng L1 là tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ được quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị định 19/2019/NĐ-CP19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Dương Huỳnh Hồng L1 đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bà L1 vắng mặt và có đơn xin vắng mặt đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Trần Thị Tố L yêu cầu buộc bà Dương Huỳnh Hồng L1 có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền nợ hụi là 146.040.000đ (Một trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng). Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình, quá trình giải quyết vụ án, bà Tố L có cung cấp cho Tòa án danh sách hụi thể hiện bà Tố L có tham gia chơi hụi do bà Hồng L1 làm chủ đồng thời bà Hồng L1 cũng có văn bản ý kiến thừa nhận có nợ tiền của bà Tố L nhưng chưa thanh toán và đồng ý thanh toán nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn bà Hồng L1 xin thêm thời gian đến khi tìm được việc làm ổn định sẽ trả dần số tiền nợ hụi này cho đến khi dứt nợ nhưng phía nguyên đơn không đồng ý.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà Tố L khởi kiện yêu cầu buộc bà Hồng L1 có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền nợ hụi gốc là 146.040.000đ (Một trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng) có căn cứ chấp nhận.

Đối với việc bị đơn xin trả dần số tiền hụi cho nguyên đơn là nhằm trốn tránh, kéo dài thời gian, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và

nguyên đơn cũng không đồng ý cho bị đơn kéo dài thêm thời gian trả nợ nên yêu cầu của bị đơn không có cơ sở chấp nhận là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về yêu cầu tính lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Trường hợp bà Hồng L1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo bản án đã tuyên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

[4] Đối với ông Trần Hoàng S là chồng của bà Hồng L1, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Tố L xác định chỉ yêu cầu bà Hồng L1 thanh toán nợ cho bà không yêu cầu ông S liên đới thanh toán vì ông Trần Hoàng S không có liên quan. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên HĐXX không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn bà Hồng L1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 357, 468 và 471 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Tố L đối với bị đơn bà Dương Huỳnh Hồng L1.

1. Buộc bà Dương Huỳnh Hồng L1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị Tố L số tiền nợ hụi gốc là 146.040.000đ (Một trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng), bà Tố L không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Địa điểm giao nhận tiền trả nợ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không trả cho nguyên đơn dứt điểm số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho

nguyên đơn thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Dương Huỳnh Hồng L1 phải chịu án phí với số tiền là 7.302.000đ (Bảy triệu, ba trăm lẽ hai ngàn đồng).

Nguyên đơn bà Tố L không phải chịu án phí; Bà Tố L được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Toà

(Đã ký)

Lữ Cẩm Nhung

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Giồng Riềng;*
- *Chi cục THADS huyện Giồng Riềng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*